TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9-QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 29/8/2025.
V/v: *"Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Văn Thiện.

2. Bà Phạm Thị Giang.

-*Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9-Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khánh L - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 36/2025/TLST-HNGĐ ngày 01/7/2025 (Thụ lý cũ số 26/2025/TLST-HNGĐ ngày 07/5/2025) về việc *"Xin ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST–HNGĐ ngày 29/7/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST–HNGĐ ngày 15/8/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1971. Có mặt.

Đia chỉ: Tổ dân phố C, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (Trước đây là TDP 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum).

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn H, sinh năm 1967. Vắng mặt.

Đia chỉ: TDP 3, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (Trước đây là TDP 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 04 năm 2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ và ông Trần Văn H sống chung với nhau từ năm 1988 có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Đến năm 2023 thì ông bà đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/8/2023. Trong thời gian kết hôn ông H thường xuyên cờ bạc, nợ lần bên ngoài và nhậu nhẹt, về nhà trong tình trạng say xỉn, không làm chủ được hành động, lời nói của bản thân dẫn đến vợ chồng thường

xuyên cãi vã và ông H thường hay xúc phạm bà, thậm chí còn đập phá tài sản của cá nhân bà, cuộc sống vợ chồng có nhiều áp lực bà Đ đã nhiều lần bỏ qua và cho ông H cơ hội sửa chữa nhưng ông H vẫn không chịu thay đổi.

Nay bà Nguyễn Thị Đ thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là chị Trần Thị H1, sinh ngày 12/01/1988 và anh Trần Quang T, sinh ngày 12/12/1991. Các con đều đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn ông Trần Văn H*: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không đến Tòa án để làm việc, không có ý kiến trả lời trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án:

- *Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thấy rằng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa*: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Kiểm sát viên đề nghị HĐXX căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với ông Trần Văn H.

Về con chung: Các đương sự không không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung: Các đương sự không ai yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào ý kiến của đương sự Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thấy rằng việc Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Quảng Ngãi) thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra bị đơn ông Trần Văn H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Như vậy, ông Trần Văn H đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xử vắng mặt ông Trần Văn H theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Văn H tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum vào ngày 03/8/2023. Do đó quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông H là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Xét thấy, sau khi sống chung với nhau vợ chồng có 02 con chung; tuy nhiên, theo bà Đ trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng sống không được hạnh phúc chính vì vậy mà bà Đ đã nhiều lần có ý định ly hôn với ông H nhưng vì các con và muốn cho ông H cơ hội để thay đổi. Nay các con đã trưởng thành có gia đình riêng, ông H vẫn không thay đổi. Ngoài ra trong thời gian gần đây cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H thường hay bài bạc, thua và nợ nhiều bên ngoài, thường xuyên nhậu nhẹt về nhà trong tình trạng say xỉn, không làm chủ được hành động, lời nói của bản thân dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, thậm chí còn đập phá tài sản cá nhân của bà Đ; bản thân con trai ông H là anh Trần Quang T cũng thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng ông bà không được hạnh phúc và có nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân như bà Đ trình bày. Như vậy, trong thời gian sống chung cuộc sống vợ chồng giữa bà Đ và ông H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do ông H thường hay uống rượu, không làm chủ được bản thân.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích nhiều lần và cho một thời gian để vợ chồng tự hàn gắn nhưng đến nay bà Nguyễn Thị Đ vẫn cương quyết xin được ly hôn; tại phiên tòa hôm nay, bà Đ xác định hiện bản thân bà không còn tình cảm gì, cuộc sống vợ chồng có nhiều áp lực và không có hạnh phúc nên bà tha thiết xin được ly hôn với ông Trần Văn H. Đối với ông Trần Văn H đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa để làm việc, không tham gia hòa giải, điều này cho thấy ông Trần Văn H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Đ và ông H đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Đ với ông Trần Văn H là có căn cứ, phù hợp với

quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Theo bà Nguyễn Thị Đ trình bày thì vợ, chồng ông bà có hai con chung là chị Trần Thị H1, sinh năm 1988 và anh Trần Quang T, sinh năm 1991. Các con đều đã đủ 18 tuổi, trưởng thành và sống tự lập được nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc *"Xin ly hôn"* của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với ông Trần Văn H.

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23 số 0001494 ngày 07/05/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi).

3. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã, phường nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 9-Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 9-Quảng Ngãi;
- UBND xã Đăk Hà, tỉnh Quảng ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hữu Tiến